

Số: **215/2024/QĐST-HNGĐ**

C, ngày 12 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ -TP. ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 297/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/Chị Trương Thị T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: K đường T, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

2/Anh Phan Minh D, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: K đường T, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Phan Minh D thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị T và anh Phan Minh D xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phan Minh T1, sinh ngày 04/8/2004; Phan Minh T2, sinh ngày 04/11/2006; Phan Minh Đ, sinh ngày 18/4/2019.

Ly hôn, chị T và anh D thỏa thuận:

+Đối với các con chung là Phan Minh T1, sinh ngày 04/8/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Giao con chung là Phan Minh Đ, sinh ngày 18/4/2019 cho mẹ là chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là Phan Minh T2, sinh ngày 04/11/2006 cho ba là anh Phan Minh D trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về quan hệ nợ chung: Chị T và anh D xác nhận không có.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, chị T và anh D mỗi người phải chịu 150.000đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Phan Minh D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị T và anh Phan Minh D thỏa thuận:

+Đối với các con chung là Phan Minh T1, sinh ngày 04/8/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Giao con chung là Phan Minh Đ, sinh ngày 18/4/2019 cho mẹ là chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là Phan Minh T2, sinh ngày 04/11/2006 cho ba là anh Phan Minh D trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

- Về vấn đề khác: Không có.

2/ Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) chị Trương Thị T và anh Phan Minh D mỗi người phải chịu 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị T anh D đã nộp tại biên lai thu số 0001819 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND quận Cẩm Lệ;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số:39 /2004 đăng ký ngày 05/3/2004);

NGUYỄN THỊ THANH NGA